TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 501/2020/DS-PT
Ngày 12-6-2020
V/v Tranh chấp thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Hạnh.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Lê Thiên Hương.
Ông Phan Trịnh Minh Đức.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Trường An – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hoàng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 186/2020/TLPT-DS ngày 13 tháng 02 năm 2020 về việc: "Tranh chấp thừa kế".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 858/2019/DS-ST ngày 08 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2159/2020/QĐ-PT ngày 29 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 5556/2020/QĐ-PT ngày 29 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị M, sinh năm 1952. (Vắng mặt)
Địa chỉ: Khu phố T, phường T, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo ủy quyền của bà M: Ông Lê Quang Đ1, sinh năm 1966. (Vắng mặt)
Địa chỉ: Đường Q, khu dân cư C, Phường Y, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Theo Giấy ủy quyền ngày 08/4/2017 tại Văn phòng Công chứng Dương Thị Cẩm Thủy, Thành phố Hồ Chí Minh).

Bị đơn: Ông Lê Hoàng V, sinh năm 1982. (Yêu cầu vắng mặt)
Địa chỉ: Đường I, Tổ P, Khu phố Y, Phường P, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo ủy quyền của ông V: Ông Đinh Bá T1 , sinh năm 1979. (Yêu cầu vắng mặt)
Địa chỉ: Đường T, Phường Y, Quận W, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Theo Giấy ủy quyền ngày 03/9/2019 tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Kim Chi, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Lê Thị A1, sinh năm 1956. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Đường T, phường T, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Lê Thị Ánh H1, sinh năm 1961. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố P, phường T, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà A1 và bà H1: Ông Lê Quang Đ1, sinh năm 1966. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Đường Q, khu dân cư C, Phường Y, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Giấy ủy quyền ngày 08/4/2017 tại Văn phòng Công chứng Dương Thị Cẩm Thủy, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Bà Lê Thị Ngọc H2, sinh năm 1960. (Yêu cầu vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ P, Khu phố Q, phường T, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Võ Thị Bạch Y, sinh năm 1957; (Yêu cầu vắng mặt)
- Bà Lê Thị Ngọc T2, sinh năm 1978; (Yêu cầu vắng mặt)
- Bà Lê Thị Ngọc T3, sinh năm 1991. (Yêu cầu vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Đường I, Tổ R, Khu phố Y, Phường P, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Y, bà T2 và bà T3: Ông Đinh Bá T1 , sinh năm 1979. (Yêu cầu vắng mặt)

Địa chỉ: đường T, Phường Y, Quận W, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Giấy ủy quyền ngày 03/9/2019 tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Kim Chi, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người kháng cáo: Bị đơn - ông Lê Hoàng V; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Lê Thị Ngọc H2, bà Võ Thị Bạch Y, bà Lê Thị Ngọc T2 và bà Lê Thị Ngọc T3.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của bản án sơ thẩm như sau:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Lê Văn L, sinh năm 1915, chết năm 2015 và bà Lê Thị Đ2, sinh năm 1923, chết năm 2005; cả hai đều không để lại di chúc.

Ông L, bà Đ2 có 5 người con chung gồm: Lê Thị M (sinh năm 1952), Lê Thị A1 (sinh năm 1956), Lê Văn T4 (chết năm 2007, có vợ là Võ Thị Bạch Y, ba con chung là Lê Thị Ngọc T2, Lê Hoàng V và Lê Thị Ngọc T3), Lê Thị Ngọc H2 (sinh năm 1960) và Lê Thị Ánh H1 (sinh năm 1961); ngoài ra không có con nuôi, con riêng nào khác.

Di sản là quyền sử dụng đất tọa lạc tại địa chỉ 74/3 Khu phố 1, phường Thạnh Xuân, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành N 171669, số hồ sơ 01240 QSDĐ/Q12/1998 do Ủy ban nhân dân Quận 12 cấp cho ông Lê Văn L, chưa chia thừa kế.

Từ sau khi ông Lê Văn L mất (ngày 30/12/2015), thì cháu nội là Lê Hoàng V (con trai ông Lê Văn T4) có ý chiếm sử dụng riêng, không muốn phân chia thừa kế, nên bà Lê Thị M đã đứng đơn khởi kiện sau khi đã yêu cầu Ủy ban nhân dân Phường hòa giải nhưng không thành. Các bà Lê Thị A1 và Lê Thị Ánh H1 cũng có cùng yêu cầu như nguyên đơn (Lê Thị M).

Hiện trên đất này có một căn nhà cấp 4 hư hỏng, một số ngôi mộ, phần còn lại để trống. Theo Bản đồ hiện trạng vị trí – áp ranh số 48063/TTĐĐBĐ-VPQ12(CS1) do Trung tâm Đo đạc bản đồ Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí minh lập ngày 06/8/2019 thì phần đất chia thừa kế thuộc thửa 534 tờ bản đồ thứ 8 bộ địa chính xã Thạnh Lộc, huyện Hóc Môn (nay là phường Thạnh Xuân, Quận 12), trên đó phần mộ nằm tập trung thành 2 khu, chiếm 99,3 + 55,3 = 154,6 m^2, nguyên đơn và các bà Lê Thị A1, Lê Thị Ánh H1 không tranh chấp phần đất có mộ, phần đất còn lại không bao gồm mộ là 1405,3 – 154,6 = 1.250,7 m^2, do căn nhà đã hư hỏng nên không cần phải giữ nguyên hiện trạng mà cần nhập chung vào phần đất trống để phân chia.

Nguyên đơn yêu cầu được chia thừa kế theo pháp luật, tuy có 05 người thừa kế nhưng nguyên đơn và các bà Lê Thị A1, Lê Thị Ánh H1 tự nguyện chia di sản thành 06 phần trong đó 01 phần dùng cho việc thờ cúng, ông Lê Văn T4 là con trai hưởng phần di sản để thờ cúng, bà Lê Thị M, Lê Thị A1, Lê Thị Ánh H1 mỗi người được 1 kỷ phần.

Nguyên đơn và các bà Lê Thị A1, Lê Thị Ánh H1 yêu cầu được hưởng chung 3/6 tổng diện tích đất di sản, chia đất làm hai phần, phần của các bà M, A1, H1 nằm gần nhà của bà H1.

Tại phiên tòa, đại diện bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các bên Võ Thị Bạch Y, Lê Thị Ngọc T2, Lê Thị Ngọc T3, trình bày:

Thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống.

Vào năm 2003, ông Lê Văn L đã lập tờ tương phân (có ông L, bà M, bà H2, bà H1, bà A1, ông T4 ký tên), trong đó thể hiện ông L chia cho các bà Lê Thị M, Lê Thị A1, Lê Thị Ngọc H2 mỗi người 200m^2 thuộc thửa 420, bà Lê Thị Ánh H1 200m^2 trên thửa 534, phần đất còn lại của thửa 534 giao cho ông Lê Văn T4. Các người con gái đã nhận đất theo giấy tương phân, tháng 11/2003 ông Lê Văn T4 có lập bản vẽ đất để làm giấy tờ nhưng do bận công tác nên ông chưa làm thủ tục để có tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông T4 thực hiện đúng ý nguyện của ông L là chăm sóc mồ mả gia tộc, quản lý đất. Khi ông T4 còn sống thì những người con gái ông L không phản đối, chỉ sau khi ông T4 mất thì các bà Lê Thị M, Lê Thị A1, Lê Thị Ánh H1 khiếu kiện đòi chia đất.

Theo Bằng khoán điền thổ số 246 thì ông Lê Văn L độc thân khi mua thửa đất 534 vào năm 1963, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01240QSDĐ/Q12/1998 chỉ có tên ông Lộc, như vậy đây là tài sản riêng của ông Lộc. Do thửa đất 534 là tài sản riêng của ông L nên ông L có quyền phân chia mà không cần có ý kiến của bà Đ2, do đã phân chia nên thửa 534 không còn là di sản của ông Lê Văn L.

Mặt khác việc tương phân là giao dịch tặng cho tài sản, cụ thể là tặng cho quyền sử dụng đất, do ông T4 đã nhận đất và quản lý sử dụng nên căn cứ Điều 129 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì giao dịch này có hiệu lực pháp luật. Theo quy định tại Điều 50 Luật Đất đai, giấy tờ phân đất là cơ sở để xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các bà Võ Thị Bạch Y, Lê Thị Ngọc T2, Lê Thị Ngọc T3 xác định phần đất còn lại của thửa 534 m^2 nguyên đơn tranh chấp theo Bản đồ hiện trạng vị trí – áp ranh số 48063/TTĐĐBĐ-VPQ12(CS1) là tài sản của ông Lê Văn T4. Do vậy, các thừa kế của ông Lê Văn T4 đề nghị bác yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Ngọc H2 trình bày:

Khi còn sống, ông Lê Văn L đã chia đất cho các con thể hiện tại tờ tương phân năm 2003. Bà yêu cầu thực hiện đúng ý nguyện của ông Lê Văn L, toàn bộ tài sản trên là của ông Lê Văn T4 chứ không phải di sản của ông Lê Văn L, nên bà không có yêu cầu phân chia, đề nghị bác yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 858/2019/DS-ST ngày 08 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 35, Điểm c Khoản 1 Điều 39, Điểm b Khoản 2 và Khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 660, Điều 623 và Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Tuyên phần đất có diện tích 1404,9m^2, ký hiệu 1, 2, 3, 4, 17 theo Bản đồ hiện trạng vị trí – giáp ranh số 48063/TTĐĐBĐ-VPQ12 (CS1) do Trung tâm Đo đạc bản đồ Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 06/8/2019, là di sản chưa chia thừa kế của ông Lê Văn L và bà Lê Thị Đ2.

Các bà Lê Thị M, Lê Thị A1, Lê Thị Ánh H1 được quyền sử dụng phần đất diện tích 702,45m^2; Bà Võ Thị Bạch Y và các con là Lê Hoàng V, Lê Thị Ngọc T2, Lê Thị Ngọc T3 có quyền sử dụng phần đất còn lại sau khi tách chia cho các bà Lê Thị M, Lê Thị A1, Lê Thị Ánh H1, vị trí đất được xác định tại Bản đồ hiện trạng vị trí – áp ranh số 48063/TTĐĐBĐ-VPQ12 (CS1) do Trung tâm Đo đạc bản đồ Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 06/8/2019, đất của các bà Lê Thị M, Lê Thị A1, Lê Thị Ánh H1 tính từ ranh nhà bà Lê Thị Ánh H1, không tính phần đất mộ ký hiệu (3) và lề đường nhựa ra đường Tô Ngọc Vân.

Các đương sự có quyền liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất đã được xác định trong bản án này theo quy định của pháp luật.

2. Buộc bà Lê Thị M hoàn trả chi phí xây dựng nhà cho các thừa kế của ông Lê Văn T4 là các ông, bà Võ Thị Bạch Y, Lê Hoàng V, Lê Thị Ngọc T2, Lê Thị Ngọc T3 số tiền 60.092.000 (sáu mươi triệu không trăm chín mươi hai ngàn) đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn án phí cho bà Lê Thị M và bà Lê Thị A1. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí 2.500.000 (hai triệu năm trăm ngàn) đồng lại cho nguyên đơn theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0034103 ngày 07/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12.

Bà Lê Thị Ánh H1 chịu án phí 108.380.000 (một trăm lẻ tám triệu ba trăm tám mươi ngàn) đồng.

Ông Lê Hoàng V, bà Võ Thị Bạch Y, bà Lê Thị Ngọc T2 và bà Lê Thị Ngọc T3 phải chịu án phí 325.140.000 đồng (ba trăm hai mươi lăm triệu một trăm bốn mươi ngàn) đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án theo luật định.

Ngày 08/11/2019, bị đơn ông Lê Hoàng V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các ông bà: Lê Thị Ngọc H2, Võ Thị Bạch Y, Lê Thị Ngọc T2, Lê Thị Ngọc T3 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu không chấp nhận đơn khởi kiện của bà Lê Thị M.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn ông Lê Hoàng V; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Ngọc H2, bà Võ Thị Bạch Y, bà Lê Thị Ngọc T2, bà Lê Thị Ngọc T3 yêu cầu vắng mặt. Ông Đinh Bá T1 là người đại diện theo ủy quyền của ông V, bà Y, bà T3, bà T2 yêu cầu được vắng mặt.

Nguyên đơn bà Lê Thị M; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị A1, bà Lê Thị Ánh H1; Đại diện theo ủy quyền của bà M, bà A1, bà H1 là ông Lê Quang Đ1 vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu trình bày ý kiến:

Về tố tụng:

Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh đưa vụ án ra xét xử ngày 08/11/2019, cùng ngày 08/11/2019, các ông bà gồm: Lê Hoàng V, Lê Thị Ngọc H2, Võ Thị Bạch Y, Lê Thị Ngọc T2, Lê Thị Ngọc T3 kháng cáo. Căn cứ Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, kháng cáo trong hạn luật định.

Trong quá trình điều tra thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Tại Biên bản làm việc ngày 11/6/2020, các bên đương sự đã thống nhất thỏa thuận giải quyết toàn bộ vụ án, việc thỏa thuận của đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái với đạo đức xã hội và không vi phạm điều cấm của pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, ghi nhận sự thỏa thuận của đương sự, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Về tố tụng:

Ngày 08/11/2019, Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa sơ thẩm. Ngày 08/11/2019, các ông bà V, Y, H2, T3 và T2 kháng cáo bản án sơ thẩm số 858/2019/DSST và đã tạm ứng án phí phúc thẩm. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đơn kháng cáo của các ông bà V, Y, H2, T3 và T2 làm trong thời hạn luật định và hợp lệ nên đươc Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận xem xét.

Ngày 11/06/2020, các ông bà V, Y, H2, T3 và T2 có đơn yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa, do các bên đã thỏa thuận giải quyết toàn bộ vụ án. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 và Khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành phiên tòa.

Về nội dung kháng cáo:

Các ông bà V, Y, H2, T3 và T2 yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác đơn khởi kiện của bà Lê Thị M.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét:

Tại Biên bản làm việc ngày 11/06/2020, ông V đồng ý chia thừa kế đối với phần đất mà nguyên đơn khởi kiện, xác nhận đây là tài sản thừa kế của ông L và bà Đ2, thống nhất với cách chia của nguyên đơn, phần đất chia làm 06 kỷ phần, ông nhận hai phần, các bà bao gồm bà M, H2, H1 và A1, mỗi người nhận một phần với diện tích là 208,45m^2 tương đương số tiền là 1,4 tỷ đồng. Ông sẽ nhận toàn bộ diện tích của khu đất theo bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm Đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập, diện tích là 1.405,3m^2, lập ngày 05/10/2018, và ông có trách nhiệm thanh toán cho các thừa kế còn lại với mỗi kỷ phần là 1,4 tỷ đồng.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án có hiệu lực thi hành, ông sẽ giao cho bà M, bà H1 và bà A1 tổng số tiền là 01 tỷ đồng; số còn lại 3,2 tỷ đồng ông sẽ giao trong thời hạn là 02 tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực thi hành. Riêng bà H2 thì ông sẽ giao trong thời hạn 02 tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực thi hành.

Nguyên đơn bà M; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà H1, bà A1 và bà H2 thống nhất với cách chia như ông V trình bày và đồng ý giao toàn bộ thửa đất và tài sản gắn liền trên đất kể trên (bao gồm cả 02 khu đất thổ mộ là 99,3m^2 + 55,3m^2 = 154,6m^2) cho ông V trọn quyền sử dụng và sở hữu theo quy định của pháp luật và nhận kỷ phần thừa kế mỗi suất là 1,4 tỷ đồng với phương thức thanh toán tiền mà phía ông V đưa ra.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Bạch Y, bà Lê Thị Ngọc T2 và bà Lê Thị Ngọc T3 trình bày: Đối với phần thừa kế của ông Lê Văn T4 (chết năm 2007) mà các bà được hưởng theo quy định của pháp luật, các bà thống nhất đồng ý cho lại ông V, đây là yêu cầu tự nguyện của các bà.

Các bên đương sự trong vụ án đã thỏa thuận và thống nhất hòa giải toàn bộ vụ án, sự thỏa thuận của đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Về án phí:

Theo chứng cứ có tại hồ sơ thể hiện bà Lê Thị M, sinh năm 1952; bà Lê Thị A1, sinh năm 1956; bà Lê Thị Ngọc H2 , sinh năm 1960 và bà Võ Thị Bạch Y, sinh năm 1957. Căn cứ vào Điều 2 của Luật Người cao tuổi; Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, thì bà M, bà A1, bà H2 và bà Y là người cao tuổi, nên được miễn án phí.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ vào Khoản 5 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, thì đương sự phải nộp án phí như sau:

* Bà Lê Thị Ánh H1 phải chịu án phí là: 36.000.000 đồng + {(1.400.000.000 đồng - 800.000.000 đồng) x 3%}= 54.000.000 đồng.

* Ông Lê Hoàng V phải chịu án phí là: 72.000.000 đồng + {(2.800.000.000 đồng – 2.000.000.000 đồng) x 2%} = 88.000.000 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm:

Căn cứ vào Khoản 5 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm, thì đương sự kháng cáo phải chịu toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm, nên các ông bà: V, T3 và T2 phải chịu toàn bộ án phí. Bà H2 và bà Y được miễn án phí theo quy định, nên bà Y và bà H2 được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Do đó, căn cứ vào Điều 300 và Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Với những chứng cứ kể trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 300 và Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sư năm 2015;

- Áp dụng Khoản 5 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Điểm c Khoản 1 Điều 39, Điểm b Khoản 2, Khoản 1 Điều 91, Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Khoản 1 Điều 273, Khoản 1 Điều 280 và Khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 660, Điều 623 và Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án;

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008.

Tuyên xử: Sửa bản án sơ thẩm.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Về di sản thừa kế:

Xác nhận tài sản đất và tài sản gắn liền với đất tại Giấy chứng nhận số 01240 QSDĐ/Q12/1998 ngày 11/12/1998 do Uỷ ban nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh cấp đứng tên ông Lê Văn L, theo Bản đồ hiện trạng vị trí số 48063/TTĐĐBĐ-VPQ12 do Trung tâm Đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 05/10/2018, có diện tích 1405,3m^2, tờ bản đồ số 48, Bộ Địa

chính phường Thạnh Xuân, Quận 12 (tài liệu năm 2005) là di sản thừa kế của ông Lê Văn L và bà Lê Thị Đ2.

Về hàng thừa kế:

Xác nhận thừa kế theo pháp luật của ông L và bà Đ2 gồm: Bà Lê Thị M, sinh năm 1952; bà Lê Thị A1, sinh năm 1956; bà Lê Thị Ngọc H2, sinh năm 1960; bà Lê Thị Ánh H1, sinh năm 1961; ông Lê Văn T4 (chết năm 2007) có vợ là bà Võ Thị Bạch Y, sinh năm 1957, cùng các con là ông Lê Hoàng V, sinh năm 1982, bà Lê Thị Ngọc T2, sinh năm 1978 và bà Lê Thị Ngọc T3, sinh năm 1991.

Bà Y, bà T3 và bà T2, cả ba người cho lại ông Lê Hoàng V phần tài sản được nhận từ di sản thừa kế của ông L và bà Đ2 mà ông T4 được chia.

Về phân chia di sản:

Tài sản được chia làm 06 kỷ phần: Ông Lê Hoàng V nhận 02 kỷ phần; bà M, bà A1, bà H2 và bà H1, mỗi người nhận 01 kỷ phần, mỗi kỷ phần có diện tích là 208,45m^2, tương đương số tiền là 1.400.000.000 (Một tỷ bốn trăm triệu) đồng.

Ông Lê Hoàng V được nhận toàn bộ khu đất và tài sản gắn liền với đất tại Giấy chứng nhận số 01240 QSDĐ/Q12/1998 ngày 11/12/1998 do Ủy ban nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh cấp đứng tên ông Lê Văn L, theo Bản đồ hiện trạng vị trí số 48063/TTĐĐBĐ-VPQ12 do Trung tâm Đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 05/10/2018, có diện tích 1405,3m^2 (trong đó gồm đất thổ mộ là 99,3m^2 + 55,3m^2 = 154,6m^2), tờ bản đồ số 48, Bộ Địa chính phường Thạnh Xuân, Quận 12 (tài liệu năm 2005).

Ông Lê Hoàng V có trách nhiệm hoàn lại cho các bà M, A1, H1 và H2, mỗi người là 1.400.000.000 (Một tỷ bốn trăm triệu) đồng.

Phương thức thanh toán:

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án có hiệu lực thi hành, ông V thanh toán cho 03 (ba) bà gồm: bà M, bà H1 và bà A1 tổng số tiền là 1.000.000.000 (một tỷ) đồng; số tiền còn lại là 3.200.000.000 (ba tỷ hai trăm triệu) đồng, thanh toán trong thời hạn 02 (hai) tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực thi hành.

Ông V thanh toán cho bà H2 số tiền 1.400.000.000 (một tỷ bốn trăm triệu) đồng, trong thời hạn 02 (hai) tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực thi hành.

Ngay khi ông V thanh toán xong số tiền kể trên cho các bà M, A1, H1 và H2, thì ông V có quyền liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất đã được xác định kể trên theo quy định của pháp luật. Đồng thời bà M phải giao lại cho ông V bản chính Giấy chứng nhận số 01240 QSDĐ/Q12/1998 ngày 11/12/1998 do Ủy ban nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh cấp đứng tên ông Lê Văn L.

Trong trường hợp ông Lê Hoàng V không thực hiện thì các đồng thừa kế còn lại có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành để nhận lại phần đất đã phân chia là 208,45m^2 cho mỗi kỷ phần.

Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị M, sinh năm 1952; bà Lê Thị A1, sinh năm 1956; bà Lê Thị Ngọc H2, sinh năm 1960. Bà M, bà A1 và bà H2 là người cao tuổi, nên được miễn án phí.

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí 2.500.000 (Hai triệu năm trăm ngàn) đồng cho bà Lê Thị M, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0034103 ngày 07/08/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

* Bà Lê Thị Ánh H1 phải chịu án phí là 54.000.000 (Năm mươi bốn triệu) đồng.

* Ông Lê Hoàng V phải chịu án phí là 88.000.000 (Tám mươi tám triệu) đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông V, bà T2 và bà T3, mỗi người phải nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng mà các ông bà đã nộp theo các biên lai số AA/2019/0107725; AA/2019/0107727 và AA/2019/0107728, ngày 08/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông V, bà T2 và bà T3 đã nộp đủ án phí.

Bà H2 và bà Y được miễn án phí theo quy định. Hoàn lại cho bà H2 và bà Y mỗi người là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số AA/2019/0107726 và AA/2019/0107729, ngày 08/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 12, TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận 12, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Mỹ Hạnh